

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ**

Số: 21/BC-CSSB-KTTC

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Chon Thành, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM,
CHỐNG LÃNG PHÍ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh.

Thực hiện Công văn số 796/STC-NSNN ngày 15/5/2026 của Sở Tài chính về việc đề nghị báo cáo tình hình kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2026.

Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé (Công ty) xin báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP)

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

Thường xuyên tổ chức quán triệt và tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến cán bộ, viên chức, người lao động toàn Công ty thông qua các hội nghị, cuộc họp giao ban của Công ty, các phòng nghiệp vụ, nông trường, nhà máy, các buổi sinh hoạt định kỳ của Chi, Đảng bộ trực thuộc như: Luật tiết kiệm, chống lãng phí; Luật phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ.

Công ty luôn tuân thủ và chấp hành các quy định về thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách; đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải; các chế độ, chính sách đối với người lao động (tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác của người lao động); các chế độ, chính sách: Tài chính, kế toán, kiểm toán, báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính, các báo cáo khác, thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra và các chế độ, chính sách khác.



2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP của Công ty

Ngay từ đầu năm Công ty đã triển khai việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 được Sở Tài chính và UBND tỉnh phê duyệt, phân công cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, lãnh đạo các phòng nghiệp vụ, nông trường, nhà máy thường xuyên kiểm tra, giám sát và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 nhằm có những chỉ đạo kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, thực tiễn tại đơn vị để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Ban hành Chương trình THPTK, CLP năm 2026 nhằm đẩy mạnh và nâng cao ý thức trách nhiệm của người quản lý, người lao động Công ty về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp để hoàn thành tốt các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh; đồng thời ổn định đời sống cán bộ, viên chức và người lao động trong Công ty góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ tiếp tục tham mưu ban hành mới, bổ sung các quy chế tổ chức đấu giá tài sản thanh lý, đấu thầu, chỉ định thầu các công trình xây dựng cơ bản, các gói mua sắm bảo hộ lao động, vật tư nông nghiệp, nhiên liệu, phân bón phục vụ cho mùa vụ khai thác năm 2026 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định pháp luật về đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và phù hợp với tình hình thực tế.

Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí quản lý, triệt để tiết kiệm chi phí thường xuyên, nhất là trong các khoản chi: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tổng kết, lễ ký kết, khởi công, công tác, tiếp khách.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kết quả THPTK, CLP, cụ thể trong các lĩnh vực

a. Trong quản lý sản xuất kinh doanh:

- Ban hành và thường xuyên cập nhật, bổ sung Bộ định mức sử dụng nhiên liệu, vật tư, hoá chất, bảo hộ lao động, công cụ dụng cụ, thuốc bảo vệ thực vật; Định mức chi phí quản lý, chi phí sản xuất chung các đơn vị trực thuộc. ... sát với tình hình thực tế nhằm quản lý, theo dõi và khuyến khích các phòng, ban, đơn vị trực thuộc cân đối các khoản chi phí phát sinh nhằm tránh tránh thất thoát, lãng phí và tiết kiệm cho Công ty.

- Công ty đã đẩy mạnh nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên trong sử dụng điện, nước và các văn phòng phẩm bằng các hành động cụ thể như tắt hệ thống điện, hệ thống điều hoà khi không có nhu cầu sử dụng..

- Công ty đã đẩy mạnh ứng dụng văn phòng điện tử, chữ ký số và chuyển đổi số trong công tác quản lý văn bản, điều hành nhằm tiết kiệm chi phí in ấn, văn phòng phẩm, tiết kiệm thời gian hội họp, chi phí đi lại.

b. Trong quản lý chi phí đầu tư: Công ty thực hiện công tác đấu thầu, chỉ định thầu các công trình xây dựng cơ bản, các gói thầu vật tư, phân bón, nhiên liệu, bảo hộ lao động cho người lao động trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy trình, quy định của pháp luật về đấu thầu, chỉ định thầu.

c. Trong quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp: 6 tháng đầu năm 2026 Công ty thực hiện đạt và vượt tiến độ kế hoạch các chỉ tiêu chính như Tổng doanh thu, Lợi nhuận, Nộp NSNN; Vốn góp của nhà nước tại Công ty được quản lý chặt chẽ theo đúng quy chế quản lý tài chính và được sử dụng đúng mục đích quy định của Chủ sở hữu; Hệ số bảo toàn vốn chủ sở hữu 1,00 lần đã phản ánh Công ty bảo toàn và phát triển được vốn của Chủ sở hữu.

d. Trong quản lý tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp: Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc tại văn phòng Công ty và các nông trường, nhà máy đúng mục đích và công năng sử dụng, thường xuyên kiểm tra và kịp thời nhằm sửa chữa, duy tu bảo dưỡng công trình trụ sở làm việc xuống cấp, hư hỏng.

e. Trong công tác cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước

Thực hiện Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Ban chấp hành Trung ương về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; Công văn số 14609/BTC-DNNN ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc phương án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước phù hợp với tình hình mới. Công ty đã báo cáo và đề xuất phương án sắp xếp Công ty cổ phần cao su Sông Bé giai đoạn 2026 - 2030 tại Công văn số 19/CSSB-NDD ngày 26 tháng 9 năm 2025 trình UBND tỉnh Đồng Nai thẩm định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt; UBND tỉnh Đồng Nai đã có kết luận thống nhất với Phương án sắp xếp Công ty cổ phần cao su Sông Bé tại Thông báo số 272/TB-UBND ngày 09/10/2025.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

Kết quả trong năm

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Không
- Số vụ việc đã được xử lý: Không
- Số người vi phạm và hình thức xử lý: Không

3. Đánh giá chung

a. Đánh giá kết quả đạt được:

Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc các giải pháp về công tác thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí; góp phần cắt giảm chi tiêu, công khai quy trình trích lập và sử dụng các Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi.

Việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của cán bộ, viên chức, người lao động toàn Công ty, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế và nhiệm vụ chính trị của Công ty.

Ý thức của cán bộ nhân viên được nâng cao rõ rệt; các khoản chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý doanh nghiệp đều bám sát Kế hoạch tài chính được thông qua, góp phần ổn định lợi nhuận cho Công ty.

b. Những tồn tại, hạn chế:

Hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của một bộ phận cán bộ, viên chức, người lao động trong một số phòng ban, đơn vị chưa cao.

Chi phí nhiên liệu tăng cao so với cùng kỳ năm trước.

c. Nguyên nhân của những hạn chế:

Công tác xây dựng Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại một số phòng, ban, đơn vị trực thuộc còn mang tính hình thức, chưa cụ thể, chưa sát với thực tế và chưa phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị, chưa thể áp dụng những công nghệ mới về quản lý nhân sự như điểm danh, chấm công tính lương tự động.

Chi phí nhiên liệu công tác và vận chuyển củ về nhà máy còn cao do đặc thù vườn cây trái rộng trên nhiều địa bàn vùng sâu, vùng xa trong tỉnh; một số chốt bảo vệ tại các nông trường vẫn chưa có điện lưới phải sử dụng máy phát; giá nhiên liệu trong nước 6 tháng đầu năm tăng cao.

III. Phương hướng, nhiệm vụ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng cuối năm 2026

1. Tiếp tục thông tin, phổ biến pháp luật về THPTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THPTK, CLP thông qua các phương tiện thông tin nội bộ, hội nghị quán triệt, tập huấn để tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THPTK, CLP. Qua đó nâng cao trách nhiệm, thống nhất nhận thức và hành động của từng phòng, ban, đơn vị và mỗi cán bộ, viên chức, người lao động đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong THPTK, CLP. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THPTK, CLP; bảo vệ người cung cấp thông tin chống lãng phí.

2. Tiếp tục điều hành, quản lý chi trong phạm vi kế hoạch được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; thực hiện triệt để tiết kiệm toàn diện trên các nội dung chi, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tăng cường công tác thanh tra,

10/04/2026

kiểm tra, giám sát tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, gây lãng phí; thực hiện công khai, minh bạch về tài chính.

3. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước, đất đai, vốn Nhà nước.

IV. Đề xuất, kiến nghị

Không có.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé kính trình Sở Tài chính./.

Trân trọng!

Nơi nhận

- Sở Tài chính;
- Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT;
- KTTC;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đông Dân



Phụ lục số 01

CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 21/BC-CSSB-KTTC ngày 22/5/2026)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							



1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						

2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	triệu đồng						
	<i>Các nội dung khác</i>							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu						

1100
 NG T
 PH
 OS
 JG
 NH-T

		đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						

	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							



3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							

N.3
 S
 ON

3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	735	735	73	10,0%		
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	300	300	30	10,0%		
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)	14.000	14.000	1.400	10,0%		
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						

1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	17					
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	17					
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng						
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	29.551					
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	27.381					
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng	2.170					
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	29.551					
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu						

004
 3 TY
 HÂN
 SU
 3 B
 1-T.B

		đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc	13	12	12			
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc	0	0	0			
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	triệu đồng	0	0	0			
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc	01	0	0			
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng	136,5	0	0			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng	813.962	813.962	813.962	100%		

	Số cuối kỳ	triệu đồng	813.962	813.962	813.962	100%		
VIII Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân								
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TTK, CLP								
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

Chon Thành, ngày 22 tháng 5 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đông Dân



Phụ lục số 02

CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ

KẾT QUẢ XỬ LÝ HÀNH VI LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 21 /BC-CSSB-KTTC ngày 22/5/2026)

Đơn vị	Thông tin phát hiện lãng phí nhận được, vụ việc lãng phí trong kỳ báo cáo			Tổng số vụ việc đã giải quyết	Đã xử lý								Chưa xử lý			Ghi chú	
	Tổng số	Trong đó			Bồi thường thiệt hại		Xử lý hành chính		Xử lý kỷ luật		Chuyển hồ sơ xử lý hình sự			Số vụ chưa xử lý	Số người chưa xử lý		Nguyên nhân
		Thông tin phát hiện lãng phí nhận được	Vụ việc lãng phí		Số người phải bồi thường	Số tiền bồi thường (triệu đồng)	Số vụ việc	Số người bị xử lý	Số vụ việc	Số người bị xử lý	Số vụ việc đã chuyển hồ sơ xử lý hình sự	Số vụ đã khởi tố	Số đối tượng đã khởi tố				
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng																	

Chon Thành, ngày 22 tháng 5 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đông Dân

UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 5 năm 2026

Số: 796/STC-NSNN
V/v báo cáo kết quả thực hành tiết
kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu
năm 2026

CÔNG TY CP CAO SU SÔNG KÍNH gửi:

Số:.....
ĐẾN Ngày: 18/05/2026..
Chuyên: TGD.....
Đã và ký hiệu HS:.....

- Các Sở, Ban, Ngành cấp thành phố;
- Các Doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý;
- UBND các xã, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai) về việc Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026,

Nhằm đảm bảo thời gian tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026, Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2026 (số liệu từ ngày 01/01/2026 đến ngày 15/5/2026) theo các Phụ lục: 01, 02, 03, 04 đính kèm, đồng thời đề nghị nhập dữ liệu tại các Phụ lục: 02, 03, 05 theo đường link sau: https://docs.google.com/spreadsheets/d/1d9DKZR2sc93_wZ4_DIQ-TXmtEa0DUZvadBxBv2KXh20/edit?usp=sharing.

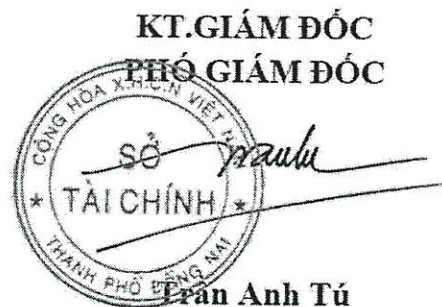
Thời gian gửi báo cáo về Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND thành phố: **trước ngày 05/6/2026**. Trường hợp quá thời gian nêu trên Quý cơ quan chưa thực hiện chế độ báo cáo, Sở Tài chính sẽ lập danh sách báo cáo UBND thành phố theo quy định.

Sở Tài chính kính chuyển đến Quý cơ quan biết, khẩn trương quan tâm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (b/c);
- Như trên;
- Phòng QL Giá - Công sản (p/h báo cáo);
- Phòng Kinh tế ngành (p/h báo cáo);
- Phòng HCSN (p/h báo cáo);
- Phòng Đầu tư và Đấu thầu (p/h báo cáo);
- Văn phòng Sở (p/h báo cáo);
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, NSNN.

(TuyenNguyen)



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ
của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA XI, KỶ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày
10 tháng 12 năm 2025;*

*Xét Tờ trình số 146/TTr-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Thường trực
Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng
nhân dân tỉnh năm 2026.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm đảm bảo tổ chức, thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh chuẩn bị báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo đúng quy định pháp luật.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát việc thực hiện nghị quyết này theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa XI, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác Đại biểu cử Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và PT-TH Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Hạnh



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 28/3/2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026 theo đúng quy định pháp luật.

- Làm cơ sở để xây dựng chương trình kỳ họp, định hướng đề cơ quan, đơn vị thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định trong việc chuẩn bị kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nội dung kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ chủ động chuẩn bị nội dung các kỳ họp bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đúng tiến độ, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc chuẩn bị nội dung các kỳ họp.

II. DỰ KIẾN KỶ HỌP THƯỜNG LỆ NĂM 2026

1. Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026

a) Thời gian: Dự kiến tổ chức vào tuần thứ 2 tháng 7 năm 2026.

b) Địa điểm: Dự kiến tại Trung tâm hội nghị tỉnh.

c) Nội dung:

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo công tác 06 tháng đầu năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước; công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri; kết quả thực hiện những vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước;

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát ý kiến kiến nghị của cử tri; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp; tổng hợp ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại phiên họp Tổ đại biểu trước kỳ họp;

- Hội đồng nhân dân tỉnh nghe Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thông báo về công tác Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền;

- Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến việc phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương thuộc thẩm quyền trên cơ sở xem xét các báo cáo, đề án, tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp.

Ngoài ra, Hội đồng nhân dân tỉnh có thể xem xét, quyết định một số vấn đề khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kỳ họp thường lệ cuối năm 2026

a) Thời gian: Dự kiến tổ chức vào đầu tháng 12 năm 2026.

b) Địa điểm: Dự kiến tại Trung tâm hội nghị tỉnh.

c) Nội dung:

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo công tác năm 2026 và chương trình công tác năm 2027 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri; kết quả thực hiện những vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước;

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp; tổng hợp ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp Tổ đại biểu trước kỳ họp; giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri;

- Hội đồng nhân dân tỉnh nghe Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thông báo về công tác Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền;

- Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2027;

- Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến việc phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương thuộc thẩm quyền trên cơ sở xem xét các báo cáo, đề án, tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp.

Ngoài ra, Hội đồng nhân dân tỉnh có thể xem xét, quyết định một số vấn đề khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan chỉ đạo công tác xây dựng, chuẩn bị các văn bản trình kỳ họp và đảm bảo các điều kiện cần thiết cho việc tổ chức kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan liên quan chuẩn bị và gửi báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định và kết quả hội nghị liên tịch trước mỗi kỳ họp.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có chức năng xây dựng dự thảo nghị quyết (nghị quyết không phải văn bản quy phạm pháp luật), đề án, báo cáo theo nhiệm vụ, quyền hạn trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh đúng quy định pháp luật. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, cơ quan trình dự thảo nghị quyết, báo cáo phải gửi hồ sơ đến Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra để thẩm tra.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri theo quy định của pháp luật; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp và báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Căn cứ kế hoạch, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động phối hợp, xây dựng kế hoạch, tiến hành giám sát, tổ chức thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và chuẩn bị báo cáo trình kỳ họp.

6. Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự đầy đủ các phiên họp của kỳ họp theo quy định và tích cực nghiên cứu tài liệu, tham gia ý kiến để các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh đạt kết quả cao.

7. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu chuẩn bị các điều kiện cần thiết đảm bảo việc tổ chức các kỳ họp đạt chất lượng; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan trong việc chuẩn bị tài liệu phục vụ kỳ họp./.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2026
(Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 15/6/2026)

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức THPTK, CLP 6 tháng đầu năm 2026

II. Tình hình, kết quả THPTK, CLP 6 tháng đầu năm 2026

1. Kết quả THPTK, CLP trong các lĩnh vực

1.1. THPTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ (Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; UBND các xã, phường - các phòng trực thuộc Sở Tài chính phối hợp báo cáo)

1.2. THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; UBND các xã, phường - phòng NSNN và Phòng HCSN, Sở Tài chính phối hợp, tổng hợp)

1.3. THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước: (Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; UBND các xã, phường – phòng Giá Công sản, Sở Tài chính tổng hợp)

- Về mua sắm, trang bị tài sản công:

- Việc thực hiện mua sắm tập trung:

- Việc sắp xếp, xử lý, mua sắm và sử dụng phương tiện đi lại:

1.4. THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc (Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; UBND các xã, phường)

- Trong đầu tư xây dựng: (Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; UBND các xã, phường - phòng Đầu tư và Đấu thầu, Sở Tài chính tổng hợp)

- Trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc: (Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; UBND các xã, phường - phòng Giá Công sản, Sở Tài chính tổng hợp)

1.5. THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên (Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; UBND các xã, phường; Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp báo cáo THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn thành phố)

- Trong quản lý, sử dụng đất:

- Trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước:

- Trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản:

- Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác:

1.6. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước (Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; UBND các xã, phường - Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước trên địa bàn thành phố)

1.7. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp (Cơ quan thực hiện: Các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn thành phố - Phòng Kinh tế ngành, Sở Tài chính tổng hợp kết quả THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp trên địa bàn thành phố)

- Trong quản lý sản xuất kinh doanh:
- Trong quản lý chi phí đầu tư:
- Trong quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp:
- Trong quản lý tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp:
- Trong công tác cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước:

1.8. THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân (Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương, UBND các xã, phường)

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí (Cơ quan thực hiện: Thanh tra tỉnh Đồng Nai tổng hợp báo cáo kết quả Thanh tra, kiểm tra trên địa bàn thành phố)

2.1. Về công tác thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP

2.2. Về công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành

3. Phân tích, đánh giá (Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý và UBND các xã, phường)

3.1. Kết quả đạt được

3.2. Tồn tại và hạn chế

3.3. Những bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục hạn chế:

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về THTK, CLP cần tập trung triển khai thực hiện trong 6 tháng đầu năm năm 2026